

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN NĂNG  
LƯỢNG TBC**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TBC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TBC ENERGY DEVELOPMENT SERVICES AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109315329

**3. Ngày thành lập:** 19/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 35, ngõ 165 Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988.402.126

Fax:

Email: [Peace.jscm@gmail.com](mailto:Peace.jscm@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất điện                                                                   | 3511     |
| 2.  | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Thực hiện hoạt động bán buôn điện     | 3512     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                               | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                         | 4102     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                    | 4212     |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                        | 4221     |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                             | 4222     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                               | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                        | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                 | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                           | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                      | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                          | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                               | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                           | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí           | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                  | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                  | 4330     |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa. | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời. | 4659(Chính) |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                   | 4663        |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4752        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                   | 4759        |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời.      | 4799        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                            | 4933        |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 27. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản .<br>- Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản .<br>- Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản                 | 6820        |
| 28. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                       | 7110        |
| 29. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                            | 7120        |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                            | 7730        |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.                                                                               | 8299        |
| 33. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM LÊ DUY ANH | Số 35, ngõ 165 Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 558.000    | 5.580.000.000         | 62,000    | 030094001620                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 558.000    | 5.580.000.000         | 62,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG NGỌC SƠN  | 209-C5, phố Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 162.000    | 1.620.000.000         | 18,000    | 001088001555                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 162.000    | 1.620.000.000         | 18,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>CÔNG ĐỨC | P424-C5, phố<br>Vĩnh Hồ, Phường<br>Ngã Tư Sở, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 | 0010880120<br>78 |
|   |                    |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Tổng số                            | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM LÊ DUY ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/05/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030094001620

Ngày cấp: 23/12/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 35, ngõ 165 Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 35, ngõ 165 Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội